

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 362/2018/DS-PT
Ngày 28 - 11 - 2018
V/v tranh chấp về dân sự -
Chia thừa kế QSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12/6/2018, ngày 20/6/2018, 16/8/2018, ngày 02/10/2018 và ngày 28/11/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLPT- DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “V/v Tranh chấp về dân sự – Chia thừa kế quyền sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Q33 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đinh Thị Hồng L, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Đinh Văn H, sinh năm 1938 (Chết);

* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:

+ Đinh Thị Q15, sinh năm 1963;

+ Đinh Văn Q7, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 65, ấp P, xã P, huyện Hồng Q33, tỉnh Đồng Tháp

+ Đinh Văn Q12, sinh năm 1967;

+ Đinh Văn Q3, sinh năm 1969;

+ Đinh Thị Q16, sinh năm 1975;

- + Đinh Văn Q14, sinh năm 1978;
- + Đinh Văn Q1, sinh năm 1979;
- + Đinh Thị Q11, sinh năm 1980;
- + Đinh Văn Q5, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Hồng Q33, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đinh Văn Q1, sinh năm 1979 (con ông H);
2. Lâm Thị Kim Q2, sinh năm 1983 (vợ anh Q1);
3. Đinh Văn Q3, sinh năm 1969 (con ông H);
4. Lâm Ngọc Q4, sinh năm 1973 (vợ anh Q3);
5. Đinh Văn Q5, sinh năm 1984 (con ông H);
6. Nguyễn Thị Mộng Q6, sinh năm 1984 (vợ anh Q5);
7. Đinh Văn Q7, sinh năm 1965 (con ông H);
8. Võ Thị Thu Q8, sinh năm 1968 (vợ anh Q7);
9. Đinh Thị Cẩm Q9, sinh năm 1994 (con anh Q7);
10. Đinh Thị Kim Q10, sinh năm 2003;

Người đại diện hợp pháp của Đinh Thị Kim Q10 là Đinh Văn Q7 (cha ruột của Đinh Thị Kim Q10)

11. Đinh Thị Q11, sinh năm 1980 (con ông H);
12. Đinh Văn Q12, sinh năm 1967 (con ông H);
13. Trần Thị Q13, sinh năm 1969 (vợ anh Q12);
14. Đinh Văn Q14, sinh năm 1978 (con ông H);
15. Đinh Thị Q15, sinh năm 1963 (con ông H);
16. Đinh Thị Q16, sinh năm 1975 (con ông H);
17. Nguyễn Văn Q17, sinh năm 1949;
18. Lương Thị Q18, sinh năm 1950 (vợ ông Q17);
19. Nguyễn Văn Q19, sinh năm 1975;
20. Trương Thị Thùy Q20, sinh năm 1970;
21. Nguyễn Văn Q21, sinh năm 1978;
22. Trần Thị Q22, sinh năm 1960;
23. Nguyễn Văn Q23, sinh năm 1955;
24. Trần Minh Q24, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Hồng Q33, tỉnh Đồng Tháp.

25. Phạm Thị Q25, sinh năm 1939;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

26. Bùi Quốc Q26, sinh năm 1971;

27. Nguyễn Thị Thanh Q27, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Hồng Q33, tỉnh Đồng Tháp.

28. Đinh Thị Ngọc Q28, sinh năm 1945;

29. Đinh Công Q29, sinh năm 1948;

30. Đinh Thị Ngọc Q30, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

31. Nguyễn Thị Q31, sinh năm 1941 (vợ ông Nguyễn);

Địa chỉ: số nhà 284/67, đường V, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

32. Q32 Hàng,

Địa chỉ: số 18, đường T, phường M, quận T, Hà Nội.

33. Ủy ban nhân dân huyện Hồng Q33.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Hồng Q33, tỉnh Đồng Tháp.

34. Phạm Thị Q34, sinh năm 1959;

35. Phạm Thị Q35, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Hồng Q33, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: có mặt anh Đinh Văn Q7 và anh Đinh Văn Q3.

- Người kháng cáo: Bà Đinh Thị Hồng L là nguyên đơn và ông Đinh Văn H là bị đơn của vụ án.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Q33 kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung của bà Đinh Thị Hồng L, quá trình thu thập chứng cứ, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà L trình bày:

Phần diện tích đất thổ cư có chiều ngang 23 mét, chiều dài 250 mét với tổng diện tích đất là 5.750 m² (đo thực tế là 7.613,3m²) đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Phạm Văn Kía và bà Nguyễn Thị Ngọc (là ông bà ngoại ông H, bà L). Ông Kía, bà Ngọc để lại cho bà Phạm Thị Nhị và cha là ông Đinh Văn Chúng (cha mẹ ruột ông H, bà L) thừa hưởng.

Diện tích đất này có tứ cận:

+ Một cạnh giáp lộ đal của xã;

+ Một cạnh giáp với đất của ông Lê Văn Bánh;

+ Một cạnh phía dưới và sau hậu giáp với đất của ông Đinh Văn H.

Cùng diện tích đất ruộng (lúa) là 20.000m² (đo đạc thực tế là 20.836,9 m²) do bà Phạm Thị Nhị để lại (hiện nay do ông H đang quản lý sử dụng).

Ông Đinh Văn Chúng và bà Phạm Thị Nhị có 02 người con chung: ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị Hồng L.

Vào năm 1991, bà Phạm Thị Nhị chết.

Vào ngày 25/4/2001, ông Đinh Văn Chúng chết.

Bà Nhị và ông Chúng không để lại di chúc.

Cả hai diện tích đất nói trên là di sản thừa kế chưa chia.

Vì vậy, bà L yêu cầu ông Đinh Văn H chia cho bà L $\frac{1}{2}$ giá trị diện tích đất có chiều ngang 11 mét, chiều dài 250 mét theo giá thị trường mà Hội đồng định giá đã định là: đất thổ cư (đất ở nông thôn) là 500.000 đồng/m² và đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản là 100.000 đồng/m².

Hiện nay, trên diện tích đất tranh chấp do ông Đinh Văn H quản lý và sử dụng có 03 căn nhà của con ruột ông H: nhà chị Đinh Thị Q15, nhà anh Đinh Văn Q7 và nhà của anh Đinh Văn Q3.

Đối với diện tích đất lúa, bà L yêu cầu chia thừa kế và qua đo đạc thực tế là 20.836,9 m². Trong quá trình ông H quản lý, sử dụng đã cầm cố cho ông Nguyễn Văn Q23 và ông Trần Minh Q24. Bà L yêu cầu ông H chia thừa kế cho bà giá trị diện tích 4.000m² đất lúa theo giá thị trường là 100.000 đồng/m²; Diện tích 1000 m² đất còn lại, bà L không yêu cầu chia mà để lại cho ông H sử dụng, khấu trừ vào chi phí mai táng cho bà Nhị khi chết do ông H đã chi xuất trước đây.

Đối với yêu cầu chia giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà của bà Nhị với số tiền 5.230.000 đồng, bản án trước đây đã được thi hành xong và bà L đã nhận giá trị nhà nên bà L không tiếp tục yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết. Đối với các di sản gồm: tủ, bàn, ghế trong nhà, bà L không yêu cầu chia.

Bà L rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho hộ anh Đinh Văn Q5. Bà L không tiếp tục yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

* Ông Đinh Văn H (đã chết), có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H trình bày:

Ông Đinh Văn Chúng và bà Phạm Thị Nhị là vợ chồng.

Ông Đinh Văn Chúng và bà Phạm Thị Nhị có 02 người con chung: ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị Hồng L.

Vào năm 1991, bà Phạm Thị Nhị chết.

Vào ngày 25/4/2001, ông Đinh Văn Chúng chết.

Bà Nhị và ông Chúng không để lại di chúc.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Phạm Văn Kía và bà Nguyễn Thị Ngọc, là cha mẹ ruột của bà Phạm Thị Nhị. Ông Kía và bà Ngọc cho bà Nhị và ông Đinh Văn Chúng canh tác, sử dụng toàn bộ diện tích đất nói trên.

Đối với diện tích đất ruộng, lúc ông Đinh Văn Chúng và Phạm Thị Nhị còn sống đã chia cho bà L một mẫu đất ruộng. Bà L đã bán (chuyển nhượng) hết. Hai mẫu đất ruộng còn lại khoảng 14,5 công tầm cắt ($1.296\text{m}^2/\text{công}$) và toàn bộ diện tích đất thổ cư, ông Kía đã cho ông H từ năm 1960 để thờ cúng ông bà.

Hiện nay, diện tích đất ruộng ông H đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn Diễm, cho ông Nguyễn Văn Q19 06 công, cho ông Thuận 3,3 công, cho ông Phước 2,5 công, cho ông Thol 04 công. Đồng thời, ông H giao lại cho anh Đinh Văn Q5, là con ruột của ông diện tích 02 công đất ruộng đã ao.

Diện tích đất thổ cư có chiều ngang 23 mét, chiều dài 250 mét, hiện nay ông H đã chia cho các con ruột của ông mỗi người một phần để cất nhà ở, gồm:

- Đinh Văn Q7: chiều ngang 05 mét, chiều dài 14 mét và một cái ao có chiều ngang 23 mét, dài 30 mét;
- Đinh Thị Q15: chiều ngang 6.5 mét, chiều dài 14 mét;
- Đinh Văn Q12: chiều ngang 05 mét, chiều dài 14 mét;
- Đinh Thị Q16: chiều ngang 4.5 mét, chiều dài 14 mét;
- Đinh Văn Q1: chiều ngang 04 mét, chiều dài 14 mét và một cái ao lạn có chiều ngang 23 mét, chiều dài 23 mét;
- Đinh Thị Q11: Một cái ao có chiều ngang 08 mét, chiều dài 20 mét;
- Đinh Văn Q5: Hai cái ao có diện tích 320m^2 ;
- Đinh Văn Q3: chiều ngang 05 mét, chiều dài 14 mét và hai cái ao có chiều ngang 05 mét, chiều dài 18 mét.

Bà Đinh Thị Hồng L yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Phạm Thị Nhị để lại, ông H không đồng ý.

Đối với di sản của ông là Đinh Văn Chúng ở huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Đinh Văn Q7 trình bày:

Anh Q7 là con ruột của ông Đinh Văn H.

Vào năm 1960, ông Đinh Văn H đã cưới bà Bùi Thị Cuộc (mẹ ruột anh) và được ông bà cố là ông Phạm Văn Kía và bà Nguyễn Thị Ngọc, cùng ông bà nội là ông Đinh Văn Chúng và bà Phạm Thị Nhị cho toàn bộ diện tích đất hiện đang tranh chấp để sử dụng. Sau khi ông Kía, bà Ngọc chết thì ông H, bà Cuộc tiếp tục sử dụng phần diện tích đất này để phụng dưỡng ông bà nội.

Đến năm 1980, Nhà nước thực hiện chính sách trang trải ruộng đất và đã thu hồi toàn bộ diện tích đất của ông H và bà Cuộc sử dụng. Khi Tập đoàn giải thể, ông H và anh, em của anh Q7 đã tranh chấp và lấy lại toàn bộ diện tích đất trước đây để canh tác. Gia đình anh Q7 canh tác được một, hai năm thì bà Đinh Thị Hồng L về tranh chấp. Bà L yêu cầu chia đất trong gia đình ông H, lúc này ông Chúng và bà Nhị còn sống nên đã chia cho bà L 10 công đất ruộng, còn lại chia cho ông H là 20 công.

Năm 1985, bà Nhị bị bệnh phải lên thành phố Hồ Chí Minh điều trị bệnh, do không tiền nên ông H có cầm cố cho ông Tư Đức, bà Tuyết Hồng, ông Tám Tợ (tổng cộng 12 công đất ruộng); Chuyển nhượng cho ông Thuận 2,5 công tầm cát ($1.296\text{m}^2/\text{công}$) đã chuyển quyền sử dụng xong; Q6 có cho ông Nhân 04 công; Ông Q24 03 công; Ông Q1 04 công; Ông Súa 02 công; Chuyển nhượng cho ông Q19 (05 công chuyển quyền sử dụng xong). Hiện nay, ông H còn cầm cố cho ông Q24 03 công tầm cát (giá cầm cố anh Q7 không biết cụ thể).

Diện tích đất được chia, vào năm 1988 bà L đã đem cầm cố cho bà Năm Đâu; Năm 1992, bà L cầm cố cho ông Q8 và vào năm 1995, bà L chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông Q8.

Vào năm 1990, anh Q7 cưới vợ nên được ông Chúng và bà Nhị cho một nền đất để cất nhà ở. Căn nhà của anh Q7 có chiều ngang 05 mét, chiều dài 14 mét. Ngoài ra, ông H còn cho anh Q7 một cái ao có chiều ngang 23 mét, chiều dài 30 mét. Anh Q7 yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất từ trước đến nay anh sử dụng ổn định. Anh Q7 đề nghị Tòa án xem xét Tờ tường trình của ông Đinh Văn Chúng và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Chị Đinh Thị Q15, anh Đinh Văn Q12, anh Đinh Văn Q3, anh Đinh Văn Q1, chị Đinh Thị Q16 và chị Đinh Thị Q11 trình bày:

Các anh, chị là con ruột của ông Đinh Văn H và bà Bùi Thị Cuộc.

Chị Đinh Thị Q15, anh Đinh Văn Q12, anh Đinh Văn Q3, anh Đinh Văn Q1, chị Đinh Thị Q16 và chị Đinh Thị Q11 thống nhất với lời trình bày của ông Đinh Văn H và anh Đinh Văn Q7. Chị Q15, anh Q12, anh Q3, anh Q1, chị Q16 và chị Q11 cùng yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất hiện nay mà các anh, chị đang sử dụng theo sự phân chia của ông Đinh Văn H.

* Anh Đinh Văn Q5 trình bày:

Anh là con ruột của ông Đinh Văn H và bà Bùi Thị Cuộc.

Anh Đinh Văn Q5 sống chung với cha mẹ từ nhỏ cho đến nay. Khi anh Đinh Văn Q5 cưới vợ là chị Nguyễn Thị Mộng Q6, anh chị cũng cùng sống với ông H. Trong quá trình chung sống với ông H, do ông H đã cao tuổi nên ông H giao cho anh Đinh Văn Q5 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn Q32 hàng. Hiện nay, vợ chồng anh Q5 và chị Q6 đang thế chấp vay Q32 hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã Hồng Q33, chưa thanh toán nợ. Diện tích đất tranh chấp anh Q5 chỉ đứng tên, còn quyền quyết định là của ông H.

Nay anh Đinh Văn Q5 không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà Đinh Thị Hồng L vì diện tích đất tranh chấp không phải là di sản của bà Phạm Thị Nhị.

* Q32 hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Hồng Q33, có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Q32 hàng yêu cầu anh Đinh Văn Q5, ông Đinh Văn H, chị Nguyễn Thị Mộng Q6 trả số tiền vay tại Q32 hàng với số tiền vốn 40.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 18/01/2018 thành tiền là 750.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 40.750.000 đồng. Q32 hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số 6508LAV210504254 và số 6508LAV210504255 ngày 09/4/2015 đã ký kết cho đến khi anh Đinh Văn Q5, ông Đinh Văn H, chị Nguyễn Thị Mộng Q6 trả xong nợ.

* Bà Đinh Thị Ngọc Q28, ông Đinh Công Q29 và bà Đinh Thị Ngọc Nga trình bày:

Bà Q28, ông Q29 và bà Nga là con ruột của ông Đinh Văn Chúng và bà Nguyễn Thị Tốt. Bà Q28, ông Q29 và bà Nga là con riêng của ông Đinh Văn Chúng, là anh em cùng cha, khác mẹ với bà Đinh Thị Q27 L và ông Đinh Văn H.

Bà Nguyễn Thị Tốt chết vào năm 1979.

Ông Chúng chết vào năm 2001. Ông Chúng có để lại di sản gồm đất ruộng và đất thổ cư.

Việc tranh chấp thừa kế giữa bà L với ông H, các ông bà không có ý kiến và không tranh chấp. Bà Đinh Thị Ngọc Q28, ông Đinh Công Q29 và bà Đinh Thị Ngọc Nga không yêu cầu chia di sản của ông Đinh Văn chúng để lại.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 03/2018/DS – ST, ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q33 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Q27 L về việc yêu cầu chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản đối với ông Đinh Văn H.

Buộc ông Đinh Văn H chia thừa kế cho bà Đinh Thị Q27 L giá trị quyền sử dụng đất diện tích 3.049m² với số tiền là 364.900.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm ngàn đồng*).

Hộ ông Đinh Văn H được tiếp tục sử dụng phần đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 7.613,3m² thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 13 hiện do ông Đinh Văn H đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04-5-2006 và các thửa 155, 138, 87, 121, 168 đều thuộc tờ bản đồ số 13 và thửa 936 thuộc tờ bản đồ số 05 hiện do anh Đinh Văn Q5 đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 19-6-2010, các thửa đất đều tọa lạc tại ấp Phú Thạnh A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Q33, tỉnh Đồng Tháp. (*Có Bảng đồ trích đo ngày 01-6-2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q33 kèm theo*)

2. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Đinh Thị Hồng L về việc yêu cầu ông Đinh Văn H chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất diện tích 4.000m² đất trồng cây hàng năm (trồng lúa).

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Q32 hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh thị xã Hồng Q33 - phòng giao dịch huyện Hồng Q33.

Buộc anh Đinh Văn Q5, ông Đinh Văn H, chị Nguyễn Thị Mộng Q6 liên đới trả số tiền vay tại Q32 hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thị xã Hồng Q33 - Phòng giao dịch huyện Hồng Q33 số tiền gốc là: 40.000.000đồng và lãi tính đến ngày 18 tháng 01 năm 2018 là 750.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là: 40.750.000đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo các hợp đồng tín dụng số: 6508LAV210504254 và số: 6508LAV210504255 đều cùng ngày 09 tháng 4 năm 2015 đã ký kết cho đến khi thi hành án xong.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Hồng L về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Đinh Văn Q5 ngày 19-6-2010.(do bà Đinh Thị Hồng L rút yêu cầu)

5. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Hồng L về việc yêu cầu ông Đinh Văn H chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà.(do bà Đinh Thị Hồng L rút yêu cầu)

6. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Q25, ông Phạm Văn Nguyên (đã chết) - người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Nguyễn Thị Q31 về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất ở, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm, mỗi người ngang 6m, dài 100m theo tờ di chúc của bà Phan Thị Nhi để lại ngày 31/11/1988.(do bà Phạm Thị Q25, bà Nguyễn Thị Q31 rút yêu cầu)

7.Về chi phí thẩm định và định giá : Buộc ông Đinh Văn H có trách nhiệm trả lại cho bà Đinh Thị Hồng L số tiền là: 2.312.000đồng.

8. Về án phí:

- Bà Đinh Thị Hồng L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.976.000 đồng.

- Ông Đinh Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.311.000 đồng.

- Ông Đinh Văn H, anh Đinh Văn Q5, chị Nguyễn Thị Mộng Q6 liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 2.037.500đồng.(về nghĩa vụ trả nợ Q32 hàng)

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho:

+ Bà Phạm Thị Q25 là 71.580 đồng tại biên lai thu số 005620 ngày 16-01-2003 và biên lai thu số 006122 ngày 20-8-2004 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Q33.

+ Bà Nguyễn Thị Q31 là 100.000đồng theo biên lai thu số 005822 ngày 12-9-2003 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Q33.

+ Q32 hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh thị xã Hồng Q33 - Phòng giao dịch huyện Hồng Q33 là 7.509.000 đồng theo biên lai thu số BM/2012 021519 ngày 26-10-2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Q33.

9. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/02/2018 bà Đinh Thị Hồng L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ngày 06/02/2018, ông Đinh Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Q33 có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 59/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/01/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Đinh Thị Hồng L là nguyên đơn của vụ án kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà L yêu cầu ông Đinh Văn H chia thừa kế cho bà L với giá trị quyền sử dụng đất lúa là 4.000m².

Ông Đinh Văn H là bị đơn của vụ án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông H xác định toàn bộ các diện tích đất mà bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản thuộc quyền sử dụng của ông H từ năm 1987. Toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là tài sản của ông H.

Vào ngày 26/9/2018, ông Đinh Văn H chết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo của ông Đinh Văn H.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[1] Ông Đinh Văn Chúng, sinh năm 1922 (chết vào ngày 25/4/2001) và bà Phạm Thị Nhị, sinh năm 1923 (chết năm 1991) là vợ chồng.

Ông Chúng và bà Nhị có 02 người con chung: ông Đinh Văn H, sinh năm 1938 và bà Đinh Thị Hồng L, sinh năm 1958.

Ông Đinh Văn Chúng và bà Nguyễn Thị Tốt (chết năm 1979) chung sống với nhau khi hôn nhân giữa ông Chúng và bà Nhị vẫn còn tồn tại. Ông Chúng và bà Tốt có 03 người con chung gồm: bà Đinh Thị Ngọc Q28, bà Đinh Thị Ngọc Nga và ông Đinh Công Q29.

Bà L yêu cầu ông H chia thừa kế cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị di sản của diện tích đất có chiều ngang 23 mét, chiều dài 250 mét đất thổ, trồng cây lâu năm và giá trị diện tích đất lúa 4.000m² với giá trị là 320.000.000 đồng.

Bà Đinh Thị Ngọc Q28, bà Đinh Thị Ngọc Nga và ông Đinh Công Q29 không yêu cầu Tòa án xem xét chia di sản của ông Đinh Văn Chúng.

Ông Đinh Văn H (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H) không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của bà L. Các diện tích đất bà L tranh chấp với ông H là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông.

[2] Vào ngày 26/9/2018, ông Đinh Văn H chết.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn H là 09 người con ruột của ông H và bà Bùi Thị Cuộc (đã chết vào ngày 16/12/2000 âm lịch), gồm có:

Chị Đinh Thị Q15, sinh năm 1963.

Anh Đinh Văn Q7, sinh năm 1965.

Anh Đinh Văn Q12, sinh năm 1967.

Anh Đinh Văn Q3, sinh năm 1969.

Chị Đinh Thị Q16, sinh năm 1975.

Anh Đinh Văn Q14, sinh năm 1978.

Anh Đinh Văn Q1, sinh năm 1979.

Chị Đinh Thị Q11, sinh năm 1980.

Anh Đinh Văn Q5, sinh năm 1984.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng “1.Trường hợp đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng.”.

Tại Tờ cung cấp chứng cứ ngày 08/11/2018 do các con ruột của ông Đinh Văn H cung cấp và xác định hàng thừa kế của ông H. Căn cứ vào quy định nói trên thì người tham gia tố tụng với tư cách là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H gồm: chị Đinh Thị Q15, anh Đinh Văn Q7, anh Đinh Văn Q12, anh Đinh Văn Q3, chị Đinh Thị Q16, anh Đinh Văn Q14, anh Đinh Văn Q1, chị Đinh Thị Q11 và anh Đinh Văn Q5.

[3] Nguồn gốc đất đang tranh chấp:

Nguồn gốc đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm có chiều ngang 23 mét, chiều dài 250 mét và diện tích đất lúa 32.000m² có từ ông Phạm Văn Kía và bà Nguyễn Thị Ngọc, là ông bà ngoại của ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị Hồng L để lại cho con gái (mẹ ông H, bà L) là bà Phạm Thị Nhị. Đất tọa lạc tại ấp Phú Thạnh A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Q33, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đinh Thị Hồng L xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là di sản của bà Phạm Thị Nhị.

Ông Đinh Văn H thừa nhận đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ ông, bà, cha, mẹ để lại. Nhưng ông H đã được ông, bà, cha, mẹ cho từ lâu và sử dụng ổn định. Riêng diện tích đất lúa, ông H đã được Nhà nước giao cho ông quyền sử dụng sau quá trình cải cách ruộng đất. Vì vậy, các diện tích đất bà L tranh chấp không phải là di sản của bà Phạm Thị Nhị.

* Các căn cứ xác định nguồn gốc đất:

- Đối với diện tích đất lúa:

+ Tại Văn bản số 50/BC-UBND ngày 27/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận A có nội dung như sau “Vào năm 1985 – 1986....trong những năm này Nhà nước có chủ trương trang trải ruộng đất theo nhân khẩu trong hộ gia đình....

Nguồn gốc phần đất ruộng diện tích 32.000m² là bà Phạm Thị Nhị khi trang trải ruộng đất, bà Phạm Thị Nhị còn sống có cho ông Nguyễn Văn Đăng và ông Lê Văn Liêm thuê mướn khoảng 10.000m² để giữ đất dùm, nên phần đất này không bị Nhà nước trang trải ruộng đất.

Phần đất gò gần nhà, Liên tập đoàn có lấy làm sân bóng đá. Đến khi có Chỉ thị 47 của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh để giải quyết cấp bách về ruộng đất, nên phần đất ông Nguyễn Văn Đăng, ông Lê Văn Liêm thuê mướn làm và phần đất đã lấy làm sân bóng đều trả lại cho cụ Phạm Thị Nhị và ông Đinh Văn H quản lý canh tác...”

+ Tờ tường trình ngày 01/9/1992 của ông Đinh Văn H, ông H tường trình “Nguyên nhân mẹ tôi sinh ra được hai đứa con, tôi và em gái Đinh Thị Hồng L. Lúc tôi còn ở gia đình nuôi mẹ và em. Vì hoàn cảnh gia đình tôi ra riêng, để lại bốn con bò và làm ruộng mỗi năm đóng cho mẹ tôi 100 gia lúa, mẹ tôi bán mua vàng, định sửa nhà và làm mồ mả ông bà ngoại....”.

+ Tờ tường trình ngày 19/4/1996 của ông Đinh Văn H, ông H trình bày “Ông ngoại tôi là Phạm Văn Kía sanh được chỉ có mẹ tôi là Phạm Thị Nhị, có chồng là Đinh Văn Chúng. Mẹ tôi qua đời. Cha tôi còn sống. Hiện nay, cha tôi khi ở chung với tôi, khi ở chung với con đằng sau.

Cha mẹ tôi chung sống sanh được hai người con.

1. Đinh Văn H là trai.

2. Đinh Thị Hồng L là gái.

Cha mẹ tôi không tạo được một sở đất nào mà chỉ H của ngoại để lại là 30 công đất ruộng, đất ở là 23 ngang dài 160 thước. Hiện nay phần đất ở còn y. Phần đất ruộng có chia cho em tôi là Đinh Thị Hồng L 10 công, còn lại 20 công tôi canh tác vào năm 1989....”.

+ Tại Tờ tường trình ngày 26/01/1999 của ông Đinh Văn H, ông H trình bày “Cha mẹ tôi có phần mặt tiền bề ngang 23 mét, bề dài khoảng 220 mét.

Nguyên phần tôi là một người con trai thừa kế trong gia đình, vì một năm đã cúng 05 lễ giỗ nên ông già đã quyết định số đất mặt tiền kể trên để trồng trọt

để có tiền lo giỗ quây. Còn phần đất ruộng thì có chia cho 1^H00 đất ruộng rồi... ”.

Trong quá trình tố tụng, xem xét tài liệu, giấy tờ và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, ông Đinh Văn H trình bày “....*Cha ông giao cho ông toàn bộ đất thổ cư, đất vườn và đất ruộng cho ông quản lý sản xuất thờ cúng ông, bà. Năm 1975 cha ông đi kháng chiến trở về thì chia cho bà L 10 công, cho ông 20 công, còn lại đất vườn và đất thổ cư giao cho ông quản lý thờ cúng ông bà.... ”.*

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của người làm chứng là ông Lê Văn Thu (nguyên Liên tập đoàn phó Liên tập đoàn 5) *cho rằng khi Nhà nước thực hiện chính sách trang trải ruộng đất, phần đất này Liên tập đoàn lấy làm sân bóng của ấp Phú Thạnh A là 7.000m², số còn lại giao lại cho một số hộ khác trong Liên tập đoàn canh tác. Đến năm 1987 có Chỉ thị 47, ông H mới đến Liên tập đoàn 5 xin lại số đất mà Liên tập đoàn sử dụng làm sân bóng trước đây, Liên tập đoàn thống nhất trả lại cho ông H canh tác từ đó cho đến nay.*

Từ nội dung nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: diện tích đất ruộng qua đo đạc thực tế là 20.836,9m² không còn là di sản của bà Nhị, ông Chúng kể từ thời điểm Nhà nước thực hiện chính sách trang trải ruộng đất. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà L yêu cầu chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất diện tích 4.000m² trong tổng diện tích đất lúa là chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L và nội dung của vụ án.

Bởi vì, Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban Bí thư được ban hành vào ngày 31/8/1988 về việc một số vấn đề cấp bách về ruộng đất. Trong khi ông H và những người làm chứng đều xác định, năm 1987 ông H đã được giao lại đất. Bên cạnh đó, nội dung tại Văn bản trả lời số 50/BC-UBND ngày 27/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận A, huyện Hồng Q33 đã xác định diện tích đất lúa 32.000m² đã được Nhà nước, ông Nguyễn Văn Đăng và ông Lê Văn Liêm trả lại cho bà Phạm Thị Nhị và ông Đinh Văn H quản lý canh tác vào năm 1988. Điều này cũng có nghĩa là diện tích đất lúa nói trên được giao trả lại, không phải giao cho ông H mà giao lại cho bà Nhị và ông H.

Trong Văn bản trả lời số 50/BC-UBND ngày 27/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận A không xác định diện tích đất lúa được giao lại cho bà Nhị, ông H mỗi người cụ thể bao nhiêu mét vuông. Như vậy, trong diện tích đất lúa 32.000m² được xem xét có ½ diện tích thuộc quyền sử dụng của bà Nhị. Bà Nhị chết, diện tích đất nói trên trở thành di sản của bà Nhị.

- Đối với diện tích đất ở nông thôn (thổ cư) và đất trồng cây lâu năm có chiều ngang 23 mét và chiều dài 250 mét, ông H cho rằng ông đã được ông, bà, cha, mẹ cho ông sử dụng ổn định từ năm 1960. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập chứng cứ và qua lời trình bày của ông H, các con của ông H thể hiện tại hồ sơ thì khi bà Nhị, ông Chúng còn sống có đồng ý cho chị Q15, anh Q7 cất nhà trên đất sau khi kết hôn.

Theo Tờ tường trình của ông Đinh Văn Chúng ngày 07/5/1996 có nội dung “...*Đất mặt tiền ngang 23 dài 160 mét hiện nay tôi còn sống, số tài sản này tôi chưa có ý định chia*”. Hoặc Tờ tường trình ngày 30/12/1996 của ông Đinh Văn Chúng (bản photo) do ông H cung cấp có nội dung “*Tôi có quyền làm cha, và quyền thay thế cho vợ (quá cố) nói lên Thị L không còn xứng đáng đòi hỏi những sự kiện nào, chia chát của cải tài sản trong nội bộ gia đình nữa...*”.

Ngoài những nội dung nói trên, ông H không có giấy tờ, tài liệu hay chứng cứ chứng minh ông H đã được ông, bà, cha, mẹ cho diện tích đất nói trên. Vì vậy, ông H kháng cáo xác định: diện tích đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm bà L tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông H là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Diện tích đất lúa qua xem xét, thẩm định tại chỗ có diện tích đất thực tế là 20.836,9m² được xem xét, giải quyết như sau:

Vào năm 1988, bà Nhị và ông H đã được Nhà nước, ông Đảng và ông Liêm trả lại toàn bộ diện tích đất lúa. Vào năm 1989, bà Nhị, ông Chúng và ông H thống nhất cho bà L diện tích đất 8.000m². Như vậy, diện tích được trả tổng cộng là 28.836,9m².

Ông H trình bày: Theo Tờ trình vào ngày 30/12/1996 của ông Đinh Văn Chúng thì ông Chúng đã không đồng ý chia cho bà L thêm diện tích đất nào khác. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2000 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Q33 đối với ông Đinh Văn Chúng, ông Chúng trình bày “*Tôi sống với vợ nhỏ, sau đó vợ nhỏ chết – tôi sống với con của vợ nhỏ từ năm 1989 và cho tới nay, còn phần đất ruộng và đất thổ cư tôi giao H quyết định với L, chia không chia tôi không có yêu cầu gì hết*”.

Đối với lời trình bày của ông Chúng tại Tòa án thể hiện tại biên bản nói trên thì ông Chúng không bác bỏ quyền thừa kế đối với bà L. Bà L cũng không thuộc trường hợp không được hưởng thừa kế. Như vậy, bà L được hưởng phần thừa kế của ông Đinh Văn Chúng và Phạm Thị Nhị theo quy định của pháp luật khi ông Chúng và bà Nhị chết không để lại di chúc.

[5] Đối với diện tích đất ở nông thôn (thổ cư), đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản (gắn liền nhau), bà Đinh Thị Hồng L yêu cầu ông Đinh Văn H chia hai phần thừa kế bằng nhau với tổng diện tích qua đo đạc thực tế là 7.613,3m² (Trong đó có 300m² đất thổ cư). Tuy nhiên, theo xác định và yêu cầu của bà L chia giá trị một phần thừa kế đối với diện tích 3.049m² (Trong có 150m² đất thổ cư).

Hội đồng xét xử với nhận định nói trên: Diện tích đất ở nông thôn, trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc ông, bà để lại cho bà Phạm Thị Nhị và ông Đinh Văn Chúng. Khi bà Nhị còn sống đã sống chung với ông H, diện tích đất này do ông H trực tiếp quản lý, sử dụng. Nhưng ông H và các con ruột ông H không có căn cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp này, khi bà Nhị và ông Chúng còn sống đã cho ông H nên ông H đã kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Q33 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/01/1996.

Như vậy, diện tích đất nói trên vẫn thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị Nhị và ông Đinh Văn Chúng. Bà Nhị và ông Chúng đã chết nên quyền sử dụng đất này trở thành di sản thừa kế. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp tuy ông H đứng tên quyền sử dụng nhưng trong quá trình ông kê khai, đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất, bà L đã tranh chấp trước đó và liên tục. Vì vậy, diện tích đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H nên ông H đã chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, tặng, cho các con ruột...diện tích đất này là không phù hợp với quy định của pháp luật. Ông H phải chịu trách nhiệm đối với các giao dịch không phù hợp nói trên.

Theo quy định tại Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013: *“Cá nhân sử dụng đất có quyền để thừa kế quyền sử dụng đất của mình theo di chúc hoặc theo pháp luật.*

Hộ gia đình được Nhà nước giao đất, nếu trong hộ có thành viên chết thì quyền sử dụng đất của thành viên đó được để thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật”.

Trong quá trình xem xét, giải quyết vụ án, bà L và ông H thống nhất: bà Nhị và ông Chúng chết không để lại di chúc. Vì vậy, di sản của bà Nhị và ông Chúng được xem xét theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H được cấp là 7.733m², qua đo đạc thực tế là 7.613,3m² (gồm đất ở nông thôn, cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản). Tuy nhiên, từ khi khởi kiện bà Đinh Thị Hồng L chỉ yêu cầu chia diện tích đất có chiều ngang 23 mét, chiều dài 250 mét. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chia cho bà L diện tích đất qua đo thực tế là 7.613,3m² (chiều ngang 23 mét, chiều dài 274.2 mét) là vượt quá yêu cầu khởi kiện của bà L. Trong khi đó, bà L không có khởi kiện bổ sung, không nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu bổ sung của bà. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa hòa giải, các bên không có thỏa thuận nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét chia thừa kế đối với diện tích 5.750m² (chiều ngang 23 mét, chiều dài 250 mét).

Diện tích đất nói trên được xét chia thừa kế theo pháp luật.

Theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất hiện nay của bà Nhị và ông Chúng gồm có: ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị Hồng L. Đối với bà Đinh Thị Ngọc Nga, bà Đinh Thị Ngọc Q28 và ông Đinh Công Q29 là con riêng của ông Chúng cũng thuộc hàng thừa kế di sản của ông Chúng. Nhưng bà Đinh Thị Ngọc Nga, bà Đinh Thị Ngọc Q28 và ông Đinh Công Q29 không có tranh chấp và không yêu cầu phân chia di sản của ông Chúng. Như vậy, phần di sản của bà Nhị và ông Chúng được phân chia cho bà L và ông H.

Trong phần di sản của bà Nhị và ông Chúng, bà L chỉ yêu cầu chia giá trị diện tích 150m² là đất ở nông thôn (thổ cư), diện tích còn lại là đất nuôi trồng thủy sản, trồng cây lâu năm. Yêu cầu của bà L là sự tự nguyện nhưng chỉ có căn cứ chấp nhận một phần.

Bởi vì, bà L thừa nhận: Từ năm 1989, ông H là người quản lý, gìn giữ, tôn tạo....đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Ông H cũng là người nuôi, chăm sóc, đưa bà Nhị điều trị bệnh, tổ chức tang lễ khi bà Nhị chết. Vì vậy, ông H có

nhiều công sức đóng góp nên được xem xét chia 02 phần thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, trong quá trình sử dụng diện tích đất chiều ngang 23 mét, chiều dài 250 mét ông H có cho các con ruột cất nhà ở. Tuy nhiên, chỉ có căn cứ chấp nhận diện tích đất của chị Đinh Thị Q15, chị Q15 cất nhà ở vào năm 1992 với chiều ngang 06 mét, chiều dài 10 mét (diện tích 60m²) theo lời trình bày của chị vào ngày 04/8/2003. Diện tích đất có nhà chị Q15 là 60m² được trừ vào tổng diện tích đất là di sản của bà Nhị và ông Chúng.

Chị Đinh Thị Q15 được quyền sử dụng diện tích đất 60m² (chiều ngang 06 mét, chiều dài 10 mét) loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 187, tờ bản đồ số 13 hiện do ông Đinh Văn H đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Q33 cấp vào ngày 04/5/2006.

Đối với diện tích đất vượt quá khởi kiện ban đầu chiều ngang là 23 mét và chiều dài là 24.2 mét, bà L có quyền khởi kiện chia thừa kế theo quy định của pháp luật trường hợp bà L chứng minh được diện tích đất nói trên là di sản của bà Nhị và ông Chúng.

[6] Di sản của bà Phạm Thị Nhị và ông Đinh Văn Chúng sẽ được xem xét giải quyết như sau:

- Diện tích đất lúa: qua đo đạc thực tế là 20.836,9m².

Bà L đã được bà Nhị, ông Chúng và ông H thống nhất cho diện tích đất 8.000m² trong tổng diện tích đất được nhận lại là 32.000m² (cụ thể diện tích là 28.836,9m²). Như vậy, diện tích đất còn lại là 20.836,9m² ông H có quyền sử dụng ½ trong diện tích đất này. Phần di sản được xem xét chia thừa kế cụ thể là 10.418,5m².

$$10.418,5m^2 : 3 = 3.472,8m^2.$$

Ông H được chia 02 phần là 6.945,6m².

Bà L được chia 01 phần là 3.472,8m².

Bà L yêu cầu được nhận giá trị được tính cụ thể là:

$$3.472,8m^2 \times 100.000 \text{ đồng}/m^2 = 347.281.000 \text{ đồng}.$$

Tuy nhiên, bà L chỉ yêu cầu ông H chia cho bà L giá trị di sản của bà Nhị thành tiền 320.000.000 đồng, là ít hơn so với phần thừa kế mà bà L được H, là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

- Diện tích đất ở nông thôn (thổ cư), đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản được xem xét chia là 5.750m² (trong đó có 300m² đất thổ cư và 5.450m² đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản).

Tổng diện tích đất xem xét chia khấu trừ diện tích đất 60m² chị Đinh Thị Kim Q15 cất nhà:

$5.750\text{m}^2 - 60\text{m}^2 = 5.690\text{m}^2$ (trong đó có 300m^2 đất thổ và 5.390m^2 đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản).

Xét chia cụ thể như sau:

300m^2 đất thổ : 3 = 100m^2 .

5.390m^2 đất LN : 3 = $1.796,7\text{m}^2$ (tính tròn).

Giá trị đất là:

$100\text{m}^2 \times 500.000 \text{ đồng/m}^2 = 50.000.000 \text{ đồng}$.

$1.796,7\text{m}^2 \times 100.000 \text{ đồng/m}^2 = 179.670.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là 229.670.000 đồng.

Như vậy, ông H có trách nhiệm chia cho bà L tổng cộng phần thừa kế là 549.670.000 đồng (Năm trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Vào ngày 26/9/2018, ông Đinh Văn H chết. Vì vậy, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là các con ruột của ông H gồm: Đinh Thị Q15, Đinh Văn Q7, Đinh Văn Q12, Đinh Văn Q3, Đinh Thị Q11, Đinh Văn Q1, Đinh Thị Q16, Đinh Văn Q14 và Đinh Văn Q5 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông Đinh Văn H theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Diện tích đất tranh chấp khi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu do ông Đinh Văn H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình tranh chấp giữa bà L với ông H, ông H làm thủ tục ủy quyền cho Đinh Văn Q5 (là con ông H) đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo công văn số 65/UBND-NC ngày 19/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Q33 V/v cung cấp thông tin về quyền sử dụng đất cho Tòa án đã xác định: mặc dù anh Đinh Văn Q5 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Về bản chất là hợp đồng ủy quyền đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Đinh Văn H và anh Đinh Văn Q5), nên không làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng, định đoạt tài sản của ông Đinh Văn H.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị Hồng L và ông Đinh Văn H:

Từ những nhận xét nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy: bà Đinh Thị Hồng L kháng cáo là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần kháng cáo của bà L.

Ông Đinh Văn H kháng cáo (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là các con ruột của ông H gồm: Đinh Thị Q15, Đinh Văn Q7, Đinh Văn Q12, Đinh Văn Q3, Đinh Thị Q11, Đinh Văn Q1, Đinh Thị Q16, Đinh Văn Q14 và Đinh Văn Q5) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không có căn cứ, không phù hợp nên không chấp nhận.

[8] Xét kháng nghị số 59/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/02/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Q33:

Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Yêu cầu chia thừa kế của bà L vượt quá khởi kiện ban đầu là chiều ngang 23 mét, chiều dài 250 mét nhiều hơn chiều ngang 23 mét, chiều dài 24.2 mét.

+ Nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của bà L, ông H.

Tuy Bản án sơ thẩm có thiếu sót, chưa có đánh giá tài liệu, chứng cứ cùng việc nhận định chặt chẽ và đầy đủ nội dung của vụ án; Có xem xét và giải quyết nhiều hơn yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nhưng những thiếu sót nói trên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bổ sung, khắc phục được nên không cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Vì vậy, Kháng nghị nói trên của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Q33 đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án đối với người cao tuổi theo quy định của pháp luật. Bà L và ông H là đối tượng được xem xét miễn nộp án phí Tòa án theo quy định nói trên.

Như vậy, bà L và ông H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Đối với sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm:

- Xét chia thừa kế cho bà Đinh Thị Hồng L vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá toàn diện giấy tờ, tài liệu chứng cứ khi giải quyết vụ án.

- Chia thừa kế theo pháp luật thì mỗi phần hưởng di sản cùng hàng thừa kế phải bằng nhau (Điều 650 của Bộ luật dân sự). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính công sức đóng góp cho ông H và không giải thích quyền và lợi ích hợp pháp của ông H trường hợp Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp không thể hiện đầy đủ những vật kiến trúc, nhà ở...

- Việc xem xét và giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Q25 và ông Phạm Văn Xù (tên gọi khác là Phạm Văn Nguyên) là chồng của bà Nguyễn Thị Q31 đã xong nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiếp tục xem xét và quyết định đình chỉ.

- Theo Công văn số 306/CV-CCTHADS ngày 27/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Q33 V/v xác nhận kết quả thi hành án thì cơ quan thi hành án đã thi hành xong đối với tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm của bà Phạm Thị Q25 và ông Phạm Văn Xù (tên gọi là Phạm Văn Nguyên) là chồng của bà Nguyễn Thị Q31 vào tháng 05/2005 và tháng 10/2005.

Tuy vậy, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tuyên hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Q25 và bà Nguyễn Thị Q31 (vợ ông Xù tên gọi Nguyễn) là chưa phù hợp.

Những thiếu sót nói trên về tố tụng và nội dung của Tòa án cấp sơ thẩm cần khắc phục và rút kinh nghiệm.

Từ những nội dung nói trên, Hội đồng xét xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Đinh Thị Hồng L và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là hủy bản án sơ thẩm.

Đồng thời, giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Q33.

Đề nghị của Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 74, Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 612, 613, 614, 623, 640, 649, 650, 651, 660 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 166, 179 và Điều 203 Luật đất đai.

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đinh Thị Hồng L.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn H.

Không chấp nhận Kháng nghị số 59/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/02/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Q33.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Q33.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đinh Thị Hồng L về việc yêu cầu ông Đinh Văn H chia giá trị thừa kế di sản của bà Phạm Thị Nhị theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Đinh Văn H (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Đinh Thị Q15, Đinh Văn Q7, Đinh Văn Q12, Đinh Văn Q3, Đinh Thị Q11, Đinh Thị Q16, Đinh Văn Q1, Đinh Văn Q14 và Đinh Văn Q5) có trách nhiệm chia giá trị quyền sử dụng đất là di sản thừa kế cho bà Đinh Thị Hồng L tổng cộng số tiền là 549.670.000 đồng (Năm trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà L, nếu ông H (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Đinh Thị Q15, Đinh Văn Q7, Đinh Văn Q12, Đinh Văn Q3, Đinh Thị Q11, Đinh Thị Q16, Đinh Văn Q1, Đinh Văn Q14 và Đinh Văn Q5) chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền sẽ được tính lãi theo mức lãi suất bằng 50% của mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hộ ông Đinh Văn H (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Đinh Thị Q15, Đinh Văn Q7, Đinh Văn Q12, Đinh Văn Q3, Đinh Thị Q11, Đinh Thị Q16, Đinh Văn Q1, Đinh Văn Q14 và Đinh Văn Q5) được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản là 5.690m² thuộc một phần thửa 187, tờ bản đồ số 13 do ông Đinh Văn H đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Q33 cấp vào ngày 04/5/2006 và các thửa 155, 138, 87, 121, 168 thuộc tờ bản đồ số 13 và thửa 936 thuộc tờ bản đồ số 05 do anh Đinh Văn Q5 đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Q33 cấp vào ngày 19/6/2010 và tổng diện tích đất lúa 14.388,9m² thuộc các thửa 1103, 1033, 1039, 1040, 1124 mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, thuộc tờ bản đồ số 05 do anh Đinh Văn Q5 đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Q33 cấp vào ngày 19/6/2010. Đất tọa lạc tại ấp Phú Thạnh A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Q33, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Đinh Thị Q15 được quyền sử dụng diện tích đất 60m² (chiều ngang 06 mét, chiều dài 10 mét) loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 187, tờ bản đồ số 13 hiện do ông Đinh Văn H đại diện hộ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Q33 cấp vào ngày 04/5/2006.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 24/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Q33 và Bản đồ trích đo hiện trạng đất (02 bản) ngày 01/6/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hồng Q33).

Các bên đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích được chấp nhận nói trên theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận ý kiến của ông Đinh Văn H không đồng ý chia di sản thừa kế giá trị quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị Hồng L.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Q32 hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Hồng Q33.

Buộc anh Đinh Văn Q5, ông Đinh Văn H (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Đinh Thị Q15, Đinh Văn Q7, Đinh Văn Q12, Đinh Văn Q3, Đinh Thị Q11, Đinh Thị Q16, Đinh Văn Q1, Đinh Văn Q14 và Đinh Văn Q5), chị Nguyễn Thị Mộng Q6 có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn lãi là 40.750.000 đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo các Hợp đồng tín dụng số: 6508LAV210504254 và số: 6508LAV210504255 cùng ngày 09/4/2015 đã được ký kết cho đến khi thi hành án xong.

4. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Đinh Thị Hồng L yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Hồng Q33 cấp cho hộ ông Đinh Văn Q5 vào ngày 19/6/2010.

5. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Đinh Thị Hồng L về việc yêu cầu ông Đinh Văn H chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 4.474.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), bà L chịu một phần tương ứng số tiền 1.491.000 đồng, ông H chịu hai phần tương ứng số tiền 2.983.000 đồng. Chi phí 4.474.000 đồng bà Đinh Thị Hồng L đã tạm ứng và chi xong. Vì vậy, ông Đinh Văn H (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Đinh Thị Q15, Đinh Văn Q7, Đinh Văn Q12, Đinh Văn Q3, Đinh Thị Q11, Đinh Thị Q16, Đinh Văn Q1, Đinh Văn Q14 và Đinh Văn Q5) có trách nhiệm trả lại cho bà Đinh Thị Hồng L số tiền 2.983.000 đồng (Hai triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng).

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đinh Thị Hồng L và ông Đinh Văn H.

Án phí về nghĩa vụ thanh toán nợ: Ông Đinh Văn H (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Đinh Thị Q15, Đinh Văn Q7, Đinh Văn Q12, Đinh Văn Q3, Đinh Thị Q11, Đinh Thị Q16, Đinh Văn Q1, Đinh Văn Q14 và Đinh Văn Q5), anh Đinh Văn Q5 và chị Nguyễn Thị Mộng Q6 có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 2.037.500 đồng (Hai triệu ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Q32 hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Hồng Q33 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 7.509.000 đồng (Bảy triệu năm trăm chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 021519 ngày 26/10/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Q33.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.Hồng Q33;
- Chi cục THADS H.Hồng Q33;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liên Hiệp